TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2024/HNGĐ-ST
Ngày 23 - 8 - 2024
"V/v *ly hôn và nuôi con chung giữa chị T và anh T2*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Bà Phạm Thị Thuý Mùi;

2.Ông Nguyễn Gia Khải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Minh Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà*:* Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 103/2024/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2024, về việc "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Thu T, sinh năm 1995

Nơi ĐKHKTT: Tổ 7, thị trấn An Bài, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

Nơi ở: Khu dân cư Tiền Trung, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1972 – Là bố đẻ chị T

Nơi cư trú: Khu dân cư T, phường Á, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Đinh Thị Thu T1 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1992

Người đại diện hợp pháp cho bị đơn: Bà Vũ Thị L, sinh năm 1966 – Là mẹ đẻ của anh T2

Cùng nơi cư trú: Tổ G, thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Vũ Ngọc T3 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T.

(*Chị T1 và anh T2 là người câm điếc bẩm sinh*

Tại phiên tòa có mặt những người tham gia tố tụng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà nguyên đơn chị Hoàng Thị Thu T thông qua người đại diện hợp pháp ông Hoàng Văn H trình bày*:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Thu T và anh Nguyễn Văn T2 tự do, tự nguyện tìm hiểu dẫn đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A vào ngày 04/3/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh T2. Quá trình chung sống đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không thương yêu thông cảm cho nhau, mâu thuẫn căng thẳng hơn vào đầu tháng 4/2024. Đến đầu tháng 5/2024 thì chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Hải Dương sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh T2 không còn, chị T xin ly hôn anh T2.

Về con chung: Chị Hoàng Thị Thu T và anh Nguyễn Văn T2 có 01 con chung là Nguyễn Quang M sinh ngày 19/11/2019, hiện đang ở với anh T2. Ly hôn, chị T nhận trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị T yêu cầu anh T2 cấp dưỡng cho con từ 1.500.000 đồng/tháng – 2.000.000 đồng/tháng, hiện tại chị T không có thai nghén gì.

Về tài sản chung: Chị T không yêu câu Tòa án giải quyết.

Chị T là người khuyết tật (câm điếc) bẩm sinh hiện đang được hưởng trợ cấp hàng tháng.

Tại bản tự khai và tại phiên toà bị đơn anh Nguyễn Văn T2 thông qua người đại diện hợp pháp bà Vũ Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T2 xác nhận thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, thời gian nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian vợ chồng ly thân như chị Hoàng Thị Thu T đã trình bày. Nay chị T có đơn xin ly hôn, anh T2 xác nhận tình cảm vợ chồng giữa anh T2 và chị T không còn, anh nhất trí ly hôn chị T.

Về con chung: Anh T2 xác nhận vợ chồng có 01 con chung như chị Hoàng Thị Thu T đã trình bày là đúng. Ly hôn, anh T2 nhận trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh T2 không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản: Anh T2 không yêu cầu Toà án giải quyết.

Anh T2 là người khuyết tật (câm điếc) bẩm sinh hiện đang được hưởng trợ cấp hàng tháng.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

Kết quả xác minh với cơ sở tổ G, thị trấn A và cơ sở khu dân cư T4, phường Á thầy: Chị Hoàng Thị Thu T và anh Nguyễn Văn T2 là vợ chồng, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn cơ sở không biết, chỉ biết hiện tại chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Hải Dương sinh sống. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh T2, cơ sở đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị T và anh T2 có 01 con chung là Nguyễn Quang M sinh ngày 19/11/2019, hiện đang ở với anh T2 cùng gia đình anh T2. Nếu Toà án giải quyết cho chị T, anh T2 ly hôn về giao con và cấp dưỡng cho con đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản cơ sở không nắm rõ.

Anh T2, chị T là người khuyết tật (câm điếc bẩm sinh), đang hưởng trợ cấp xã hội mức hưởng 720.000 đồng/tháng, anh chị đều làm công nhân, mức thu nhập cơ sở không biết rõ.

Tại phần tranh luận đối đáp:

Đối đáp của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Đề nghị HĐXX án dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Hoàng Thị Thu T được ly hôn anh Nguyễn Văn T2; Xử giao con chung Nguyễn Quang M sinh ngày 19/11/2019 cho chị Hoàng Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T2 có trách nhiệm cấp dưỡng cho con từ 1.500.000đồng/tháng – 2.000.000đồng/tháng; Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không giải quyết; Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Hoàng Thị Thu T.

Đối đáp của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Nhất trí về căn cứ pháp luật, mối quan hệ hôn nhân, tài sản chung và án phí như quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đã trình bày. Đề nghị HĐXX giao con chung Nguyễn Quang M sinh ngày 19/11/2019 cho anh Nguyễn Văn T2 trực tiếp nuôi dưỡng, anh T2 không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị Thu T được ly hôn và anh Nguyễn Văn T2.

Về con chung; Xử giao con chung Nguyễn Quang M sinh ngày 19/11/2019 cho anh Nguyễn Văn T2 trực tiếp nuôi dưỡng, chị T có quyền, nghĩa vụ đi lại trông nom và giáo dục con chung mà không ai được cản trở;

Về tài sản: Không đặt ra giải quyết;

Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Hoàng Thị Thu T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hoàng Thị Thu T khởi kiện ly hôn và nuôi con chung với anh Nguyễn Văn T2. Do anh T2 là bị đơn cư trú tại tổ G, thị trấn A, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T, anh T2 là người câm điếc bẩm sinh, người đại diện hợp pháp nghe, biết được, chữ, ngôn ngữ, ký hiệu nên họ đồng thời là người phiên dịch cho đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 81 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Thu T và anh Nguyễn Văn T2 là vợ chồng, được Ủy ban nhân dân T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 04/3/2019 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không thương yêu thông cảm cho nhau. Mâu thuẫn căng thẳng hơn vào đầu tháng 4/2024, đến tháng 5/2024 thì vợ chồng ly thân. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T2 không còn, chị xin ly hôn anh T2. Anh T2 cũng xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn, anh nhất trí ly hôn chị T. Tòa án đã ấn định thời gian hòa giải nhưng anh T2 có đơn đề nghị không hoà giải, anh T2 không có thiện chí hòa giải. Tuy nhiên, tại phiên toà thông qua người đại diện hợp pháp Toà án tiến hành hoà giải nhưng không có kết quả. Mặt khác vợ chồng vẫn ly thân, không ai quan tâm đến ai, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T2 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân của anh chị thực tế chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, vì vậy cần xử cho chị T được ly hôn anh T2 là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Hoàng Thị Thu T và anh Nguyễn Văn T2 có 01 con chung là Nguyễn Quang M sinh ngày 19/11/2019, hiện đang ở với anh T2 và gia đình anh T2. Ly hôn, cả chị T và anh T2 đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị T yêu cầu anh T2 cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật nhưng tại phiên toà chị T yêu cầu anh T2 cấp dưỡng cho con từ 1.500.000 đồng/tháng – 2.000.000 đồng/tháng. Còn anh T2 không yêu cầu chị T cấp dưỡng

cho con. Xét nguyện vọng nuôi con của chị T, anh T2 là chính đáng, cả hai đều đủ điều kiện để nuôi con ngang nhau. Tuy nhiên, con chung giới tình nam, trên 36 tháng tuổi, lại đang ở với anh T2 và gia đình anh T2. Con chung từ nhỏ đã được anh T2 và gia đình chăm sóc con rất chu đáo. Do chị T bị câm điếc bẩm sinh nên việc chăm sóc con rất hạn chế, việc chăm sóc chủ yếu do mẹ đẻ anh T2, bà chăm sóc cháu như con của mình. Do đó, để không làm ảnh hưởng đến việc sinh hoạt của con chung nên chấp nhận ý kiến của anh T2, giao con chung cho anh T2 trực tiếp nuôi dưỡng, anh T2 không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con là phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình.

[4] Về tài sản: Chị Hoàng Thị Thu T và anh Nguyễn Văn T2 đều không yêu cầu Toà án giải quyết nên về tài sản Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị Thu T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Tuy nhiên, chị T là người khuyết tật và có đơn xin miễn án phí nên án phí ly hôn sơ thẩm cho chị T là phù hợp với quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị Thu T được ly hôn anh Nguyễn Văn T2.

2.Về nuôi con chung: Xử giao con chung Nguyễn Quang M sinh ngày 19/11/2019 cho cho anh Nguyễn Văn T2 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T2 không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con. Chị T có quyền đi lại thăm nom và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị T, anh T2 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3.Về tài sản: Hội đồng xét xử không giải quyết.

4.Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Hoàng Thị Thu T.

5.Về quyền kháng cáo: Các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Quỳnh Phụ;*
- *Chi cục thi hành án dân sự h.Quỳnh Phụ;*
- *Nơi ĐKKH: UBND thị trấn An Bài;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Duyên